



HIỆN TƯỢNG “PARODY” TRUYỆN KIỀU (NGUYỄN DU) VÀ THƠ NÔM HỒ XUÂN HƯƠNG TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA - TINH THẦN NGƯỜI VIỆT

Biện Minh Điền*

Trường Đại học Cửu Long

*Email: bienminhdien@mku.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.65934/mkusj.2026.41.904>

Ngày nhận bài: 10/10/2025; Ngày phản biện: 11/11/2026; Ngày duyệt bài: 27/01/2025

TÓM TẮT

Bài viết nghiên cứu hiện tượng “parody” trong đời sống văn học - văn hóa Việt Nam, lấy Truyện Kiều của Nguyễn Du và thơ Nôm Hồ Xuân Hương làm đối tượng khảo sát tiêu biểu. Trên cơ sở tiếp cận lý luận về parody trong tiếp nhận và sáng tạo văn học, bài viết làm rõ khái niệm, đặc điểm, chức năng và ý nghĩa của parody như một hình thức đối thoại, tái tạo và diễn giải lại các văn bản kinh điển. Qua đó, parody được nhìn nhận không chỉ là hiện tượng mang tính hài hước, trào lộng, mà còn thể hiện tư duy phản biện, ý thức thẩm mỹ và nhu cầu biểu đạt tinh thần của cộng đồng. Từ góc nhìn văn hóa - tinh thần, bài viết khái quát hiện tượng parody Truyện Kiều và thơ Nôm Hồ Xuân Hương trong quá trình lưu truyền và tiếp nhận, chỉ ra sự phong phú, đa dạng về hình thức và sắc thái biểu hiện trong sinh hoạt văn học, nghệ thuật và đời sống xã hội. Phân tích cho thấy, parody góp phần làm gia tăng sức sống của tác phẩm, mở rộng khả năng diễn giải, đồng thời phản ánh tâm thế, quan niệm giá trị và bối cảnh lịch sử - văn hóa của người Việt qua các thời kỳ. Bài viết cũng nêu ra những định hướng tiếp cận và khuyến cáo cần thiết nhằm bảo tồn, phát huy giá trị tích cực của hiện tượng parody, tránh xu hướng dung tục hóa hoặc làm sai lệch tinh thần nguyên tác.

Từ khóa: “Parody”, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, hiện tượng “Parody” Truyện Kiều, “Parody” Thơ Nôm Hồ Xuân Hương.

ABSTRACT

This paper examines the phenomenon of “parody” in Vietnamese literary and cultural life, with *The Tale of Kieu* by Nguyen Du and the Nom poetry of Ho Xuan Huong as representative case studies. Based on theoretical approaches to parody in literary reception and creation, the paper clarifies the concept, characteristics, functions, and significance of parody as a mode of dialogue, re-creation, and reinterpretation of canonical texts. Accordingly, parody is understood not merely as a humorous or satirical practice, but also as an expression of critical thinking, aesthetic consciousness, and the community’s need for spiritual articulation. From a cultural and spiritual perspective, the paper provides an overview of the parody phenomenon surrounding *The Tale of Kieu* and Ho Xuan Huong’s Nom poetry throughout their transmission and reception, highlighting the richness and diversity of forms and expressive nuances in literary, artistic, and social practices. The analysis demonstrates that parody enhances the vitality of these works, expands interpretive possibilities, and reflects the mindset, value systems, and historical-cultural contexts of the Vietnamese people across different periods. The paper also proposes methodological orientations and necessary cautions for preserving and promoting the positive values of parody, while avoiding tendencies toward vulgarization or distortion of the spirit of the original texts.

Keywords: “Parody”, Nguyen Du, Ho Xuan Huong, “Parody” phenomenon in *The Tale of Kieu*, “Parody” in Ho Xuan Huong’s Nom poetry.



1. Mở đầu

“Parody” là một hình thức của “sự tái chế nghệ thuật” (“artistic recycling”), là thủ pháp nghệ thuật bắt chước, dựa vào mẫu gốc để tạo ra phiên bản mới, có thể mang tính châm biếm, có thể mang ý nghĩa tôn vinh hay nhắc nhở về giá trị của tác phẩm gốc... *Truyện Kiều* của Nguyễn Du và *Thơ Nôm Hồ Xuân Hương* ngay sau khi vừa ra đời đã trở thành nguồn cảm hứng lớn cho “Parody”. Sức sống mãnh liệt của *Truyện Kiều* và *Thơ Nôm Hồ Xuân Hương* trong lòng người Việt đã tạo điều kiện cho nghệ thuật “Parody” tác phẩm kinh điển mẫu gốc phát triển liên tục, vượt mọi giới hạn không gian và thời gian. Cả hai đều có vai trò quan trọng đặc biệt trong đời sống văn hóa - tinh thần người Việt. Tuy nhiên, “Parody” ở hai hiện tượng có nhiều nét khác nhau do đặc trưng của hai loại hình diễn ngôn/ tác phẩm mẫu gốc của hai tác gia.

2. Những nội dung chính

2.1 Hiện tượng “Parody” trong sáng tạo văn học - nghệ thuật

“Parody” là hiện tượng mà các tác phẩm mẫu gốc (thường là tác phẩm nổi tiếng) được người sau dựa vào một số yếu tố nào đó - hoặc là ngôn ngữ, thể loại; hoặc là cốt truyện, nhân vật; v.v... để tạo nên một phiên bản, một sản phẩm mới mang ý nghĩa mới. Đây là một hình thức nhại lại, phỏng theo, “tái chế”, biến tấu từ tác phẩm mẫu gốc. Tùy theo các ngữ cảnh và dụng ý khác nhau, “Parody” có thể mang nhiều ý nghĩa khác nhau...

Từ “Parody” gốc từ tiếng Hy Lạp cổ đại, gồm hai thành phần/ từ tố tạo thành: “Para” (“παρά” - nghĩa là “bên cạnh”, “đối lập”, “biên đối) và “Ode” (“ὕμνη” - “bài hát”, “bài thơ”)... “Para” (“παρά”) kết hợp với “Ode” (“ὕμνη”) tạo thành “parodia” (παρωδία) - trong tiếng Hy Lạp cổ có nghĩa là “một bài hát thay thế” hoặc “một bài hát nhại theo”. Ban đầu, từ này được dùng để chỉ những bài thơ hoặc những tác phẩm văn học bắt chước một cách hài hước một tác phẩm khác. Trong quá trình phát triển của ngôn ngữ, từ “parodia” được du nhập vào tiếng Latinh (thành “parodia”), sau

đó vào tiếng Pháp cổ dưới dạng “parodie”, rồi chuyển sang tiếng Anh là “Parody”. Theo thời gian, hiện tượng “Parody” càng ngày càng phát triển, mở rộng giới hạn, không chỉ đối với thơ ca hay âm nhạc, mà còn đối với nhiều loại hình nghệ thuật khác như sân khấu, hội họa, điện ảnh, và nhiều loại hình khác của văn hóa đại chúng... Có thể nói ngắn gọn, “Parody” xuất phát từ một khái niệm trong văn học Hy Lạp cổ đại với nghĩa là “bài hát thay thế”/ “bài hát nhại theo”, rồi dần dần phát triển thành một khái niệm để chỉ sự nhại lại, phỏng theo các tác phẩm “mẫu gốc” tùy theo dụng ý của người “nhại” hay “phỏng theo”...

“Parody” là một hiện tượng hết sức thú vị, mang tính quy luật và cũng đầy phức tạp trong sáng tác cũng như tiếp nhận văn học, nghệ thuật. Trên phương diện lý thuyết, nhiều nhà nghiên cứu từ chủ nghĩa hình thức Nga đến M. Bakhtin; từ Gerard Genette tới Linda Hutcheon, Margaret A. Rose, Simon Dentith,... đã từng bàn đến về mục đích, chức năng, vai trò và các hình thức Parody. Nhiều quan niệm khác nhau, từng quan niệm có những ưu, nhược điểm riêng...

Cho đến nay, khái niệm “Parody”, để trở thành một thuật ngữ “ứng dụng” vào nghiên cứu, còn nhiều vấn đề phải bàn, và dĩ nhiên, nó bao hàm cả hai mặt: bất biến (hành vi nhại, chế tác theo mẫu gốc) và khả biến (mục đích, ý nghĩa của “Parody”: có thể để châm biếm, phê phán; có thể để ngợi ca, lan tỏa những giá trị; v.v...). Thực ra, lý thuyết về “Parody” cũng như mọi lý thuyết khác đều không bao giờ bao quát hết thực tiễn; và ngược lại, sự phát triển đa dạng của thực tiễn lại tiếp tục cung cấp dữ liệu mới cho lý thuyết, khiến các lý thuyết, cần và phải được điều chỉnh, bổ sung. Đây chính là điều mà J.W.Goethe (1749-1832) từng “khuyến cáo” (qua lời con quỷ Mephistopheles trong bi kịch Faust của ông): “Mọi lý thuyết đều là màu xám, còn cây đời mãi mãi xanh tươi”.

Trong rất nhiều quan điểm về “Parody”, có thể nói quan điểm học thuật của Hutcheon,



xem “Parody thực sự là một hình thức của “sự tái chế nghệ thuật”(“artistic recycling”) nhưng là một hình thức cực kỳ đặc biệt, có chủ ý với những văn bản phức tạp” là mang tính đặc dụng và năng sản hơn cả. Hutcheon quan tâm đến cả hai hướng nghiên cứu Parody: hướng mở rộng và hướng thu hẹp quan niệm về “Parody”. Đặc biệt, Hutcheon phản đối xu hướng lẫn lộn hoặc đồng nhất giữa “Parody” (nhại) và “Satire” (châm biếm).

“Parody” là thủ pháp nghệ thuật bắt chước, dựa vào mẫu gốc để tạo ra phiên bản mới (rất thú vị là trong tiếng Việt có từ “nhái” = nhại, với nghĩa là bắt chước, tái chế, làm theo, học theo mẫu đã có), có thể mang tính châm biếm, có thể mang ý nghĩa tôn vinh hay nhắc nhở về giá trị của tác phẩm gốc. Thủ pháp này có thể áp dụng cho nhiều loại hình nghệ thuật khác nhau như văn học, âm nhạc, hội họa, phim ảnh,...

Bằng cách bắt chước và biến tấu nguyên mẫu (các kiệt tác có sẵn bao giờ cũng được/ bị nhại, bắt chước), “Parody” khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới, giúp mở rộng giới hạn của các thể loại và phong cách nghệ thuật, đồng thời tạo ra những tác phẩm mới lạ, độc đáo, mang lại niềm vui và sự giải trí cho người đọc. “Parody” cũng là một hình thức tôn vinh giá trị của các tác phẩm gốc. Việc “Parody” - “tái chế” và biến tấu một tác phẩm nổi tiếng đòi hỏi người thực hiện phải am hiểu về mẫu gốc, qua đó, có thể tôn vinh giá trị và ảnh hưởng của tác phẩm gốc.

“Parody” cũng có vai trò giúp người đọc phát triển tư duy phản biện bằng cách đưa ra những góc nhìn khác nhau về một hoặc nhiều vấn đề có liên quan hoặc được gợi ý từ tác phẩm mẫu gốc. Người đọc phải suy nghĩ và so sánh giữa phiên bản gốc và phiên bản “Parody” để hiểu được sự khác biệt và ý nghĩa của những biến tấu này. Hiện tượng “Parody” một tác phẩm nổi tiếng chỉ là một dạng bắt chước, mô phỏng, tái chế, “nhái” như một trò chơi vui từ văn bản gốc (hypotext)...

2.2 Trong lịch sử văn học Việt Nam, Truyện Kiều (Nguyễn Du) và Thơ Nôm Hồ Xuân Hương

Hương là những hiện tượng được “Parody” nhiều nhất

“Parody” từ hai hiện tượng ấy diễn ra trên nhiều phương diện khác nhau (ngôn ngữ, nhân vật, thể loại,...) của tác phẩm, dưới nhiều hình thức khác nhau (vịnh, họa, phỏng theo, phóng tác,...) tùy theo thủ pháp đặc trưng của từng loại hình nghệ thuật. Truyện Kiều cũng như Thơ Nôm Hồ Xuân Hương từng được người đương thời và người đời sau một mặt nhại theo để tạo nên sản phẩm mới, mặt khác mượn nguyên dạng (từng câu thơ, đoạn thơ hoặc một cụm từ,...) để “thay lời muốn nói” theo nhiều hoàn cảnh, tình huống khác nhau. Truyện Kiều của Nguyễn Du và Thơ Nôm Hồ Xuân Hương ngay sau khi vừa ra đời đã trở thành nguồn cảm hứng lớn cho “Parody”, bởi trước hết cả hai đều có những điểm gặp gỡ, tương đồng. Truyện Kiều là một kiệt tác; Thơ Nôm của Hồ Xuân Hương có nhiều bài cũng đạt tâm kiệt, cả hai đều có sức hấp dẫn đặc biệt. Cả hai đều là sáng tác của những người cùng thời, đều có những tương đồng gặp gỡ về cảm hứng nhân văn, nhất là sự thấu cảm đối với con người, trước hết là người phụ nữ trong xã hội phong kiến... Đặc biệt, cả hai đều là đỉnh cao của văn học Nôm - tiếng Việt. Sức sống mãnh liệt của Truyện Kiều và Thơ Nôm Hồ Xuân Hương trong lòng người Việt đã tạo điều kiện cho nghệ thuật “Parody” tác phẩm kinh điển mẫu gốc phát triển liên tục, vượt mọi giới hạn không gian và thời gian. Cả hai đều có vai trò quan trọng đặc biệt trong đời sống văn hóa tinh thần người Việt. Ngoài biểu hiện của nhu cầu về “tái chế” nội dung nhận thức, thể hiện; “Parody” ở hai hiện tượng còn mang tính giải trí cao, giúp người dân giải tỏa, truyền tải những nỗi niềm, sở thích, khoái cảm tinh thần qua các dạng thái ngôn ngữ nghệ thuật tinh tế, giàu khả năng biểu cảm của các mẫu gốc.

Nhìn chung các tác phẩm “Parody” Truyện Kiều và “Parody” Thơ Nôm Hồ Xuân Hương về cơ bản đều giữ nguyên cấu trúc và thể loại gốc (truyện thơ - lục bát và lục bát với Truyện Kiều, thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt với Thơ



Nôm Hồ Xuân Hương), nhưng nội dung được thay đổi để phù hợp với ngữ cảnh mới.

Cả hai loại “Parody” Truyện Kiều và “Parody” Thơ Nôm Hồ Xuân Hương đều khơi dậy tình yêu đối với di sản văn hóa, văn học dân tộc, không chỉ làm sống dậy giá trị của quá khứ mà còn phản ánh sự gắn bó tinh thần sáng tạo của người Việt trong việc tiếp biến văn hóa truyền thống, đưa giá trị của văn hóa truyền thống vào đời sống hiện đại. “Parody” Truyện Kiều và “Parody” Thơ Nôm Hồ Xuân Hương đều góp phần làm phong phú đời sống văn hóa - tinh thần người Việt, song “Parody” ở hai hiện tượng có nhiều nét khác nhau do đặc trưng của hai loại hình diễn ngôn/ tác phẩm mẫu gốc của hai tác gia.

Truyện Kiều thuộc thể loại truyện - truyện thơ (lục bát), có thể xem là một cuốn tiểu thuyết bằng thơ. Thơ Nôm Hồ Xuân Hương là tập hợp nhiều bài thơ thuộc thể thơ Đường luật các dạng (bát cú, tứ tuyệt) được viết trong nhiều bối cảnh, trạng huống khác nhau. Cảm hứng chủ đạo của Truyện Kiều là cảm hứng nhân đạo, bi kịch. Cảm hứng chủ đạo của Thơ Nôm Hồ Xuân Hương là cảm hứng nhân văn, trào phúng - trào lộng... Chính vì thế, “Parody” Truyện Kiều có những đặc điểm chính: 1, Về cơ bản, không theo nghĩa thông thường của “Parody”; “Parody” ở đây chủ yếu là để ngợi ca, lan tỏa những giá trị của “mẫu gốc” chứ không phải là trào phúng, châm biếm (Satire); 2, Phong phú, đa dạng dưới nhiều hình thức; 3, “Parody” Truyện Kiều thường được sáng tạo bởi những chủ thể có am hiểu sâu về tư tưởng triết lý của Nguyễn Du và thể giới nghệ thuật của tác phẩm (Truyện Kiều). Còn “Parody” Thơ Nôm Hồ Xuân Hương lại có những đặc điểm khác: 1, Về cơ bản, theo nghĩa thông thường của “Parody”: nhại, trào phúng, châm biếm (Satire); 2, Không phong phú, đa dạng dưới nhiều hình thức như “Parody” Truyện Kiều; 3, “Parody” Thơ Nôm Hồ Xuân Hương không đòi hỏi nhiều “tính bác học” ở chủ thể “Parody”, chính vì thế dễ phổ biến hơn trong các hoạt động dân gian và trong đời sống thế tục hàng ngày.

“Parody” Truyện Kiều và “Parody” Thơ Nôm Hồ Xuân Hương đều là những hiện tượng độc đáo trong đời sống văn hóa tinh thần người Việt, thể hiện sự sáng tạo và tình yêu di sản văn hóa, văn học truyền thống của người dân. Sự khác biệt trong nội dung và phong cách của hai loại hình tác phẩm gốc dẫn đến những điểm khác nhau trong cách tiếp cận và khai thác “Parody”...

2.3 Hiện tượng “Parody” Truyện Kiều với nhiều hình thức khác nhau tạo thành một loại hình văn hóa có thể nói là “có một, không hai”

Hiện tượng này diễn ra trên cả hai phương diện nội dung tư tưởng và nghệ thuật thể hiện của tác phẩm, ở nhiều thành tố khác nhau nhưng tập trung vào ba thành tố cơ bản: thể loại, ngôn ngữ, nhân vật.

“Parody” Truyện Kiều về thể loại là vấn đề phức tạp, vì Truyện Kiều sử dụng thể loại “kép” thuần Việt (Truyện Nôm - Lục bát), cả hai thể loại lại “cộng sinh”, gắn với nhau trong một cấu trúc chỉnh thể. Tuy nhiên ở những tác phẩm Parody thể loại Truyện Kiều, có thể tách thành hai dạng để khảo sát, nhất là về thi pháp thể loại. Thứ nhất, “Parody” thể loại Truyện/ Truyện thơ, gồm một số Truyện thơ Nôm và một số Truyện thơ Quốc ngữ (các Truyện thơ Nôm và Truyện thơ Quốc ngữ đều gắn với lục bát, dưới hình thức lục bát). Thứ hai, “Parody” thể loại Thơ/ lục bát (bao hàm lục bát trong các tác phẩm “Parody” là thể loại “kép”/ truyện - thơ, và lục bát trong các tác phẩm “Parody” không thuộc thể loại “kép”/ truyện - thơ).

Về “Parody” thể loại Truyện/ Truyện thơ: Từ cuối thời trung đại đến thế kỷ XX, xuất hiện hiện tượng truyện “hậu Truyện Kiều” với hàng loạt tác phẩm: Đào hoa mộng ký của Mộng Liên Đình (tức Mộng Liên Đường) với khoảng 3000 câu lục bát; Đào hoa mộng ký diễn ca (tên gọi khác: Kim Vân Kiều hậu thân) của Hà Đạm Hiên (?-?) với 1910 câu;... Sang thời hiện đại, xuất hiện Kiều tân thời của Bạch Điện, 304 câu, phỏng theo Truyện Kiều, viết với cảm hứng trào lộng, châm biếm



các thói xấu của hiện thực xã hội những năm 30 của thế kỷ XX; Kiều bình dân học vụ của Nguyễn Văn Trinh với 2050 câu, viết với mục đích cổ vũ phong trào bình dân học vụ; Đoạn trường vô thanh (1972) của Phạm Thiên Thư với 3296 câu, viết tiếp Truyện Kiều sau màn tái hồi Kim Trọng; Đoạn trường nhất thanh của Trần Thanh Vân, viết tiếp Truyện Kiều từ khi Từ Hải gặp Hồ Tôn Hiến, 1082 câu; Truyện Kiều đọc ngược của Phạm Đan Quế, xếp ngược lại 3254 câu trong Truyện Kiều của Nguyễn Du.

Điều rất đáng chú ý và lấy làm lạ là, sang thời hiện đại, truyện văn xuôi (bao hàm cả truyện ngắn, truyện dài và tiểu thuyết) là thể loại chủ lực của văn xuôi hiện đại, phát triển mạnh với tốc độ và vị thế áp đảo, vậy mà truyện thơ “hậu Truyện Kiều” vẫn phát triển. Vì sao vậy? Điều này chỉ có thể lý giải từ giá trị điển phạm và sức hấp dẫn của Truyện Kiều (ngay mới chỉ nhìn ở một mặt của thể loại tác phẩm). Truyện thơ “hậu Truyện Kiều”, về thi pháp thể loại (tức nghệ thuật thể hiện), nhìn chung không có gì thật đặc sắc, vẫn thua xa “mẫu gốc” mà nó “Parody”.

Về “Parody” thể loại Thơ (Lục bát) Truyện Kiều: Lục bát sau Truyện Kiều (bao hàm cả lục bát trong các tác phẩm thuộc thể loại “kép” truyện thơ - lục bát như vừa nêu trên và lục bát trong các tác phẩm không thuộc thể loại “kép”/ truyện - thơ) càng phát triển hơn bao giờ hết. Cả hai “loại” lục bát ấy, về thi pháp thể loại, vẫn chịu ảnh hưởng của lục bát Truyện Kiều. Điều quan trọng nhất cần nói ở đây là: Lục bát Truyện Kiều vừa là mô hình chuẩn làm chỗ dựa, vừa là thử thách về làm mới thể loại cho lục bát về sau.

“Parody” Truyện Kiều về ngôn ngữ và nhân vật không đến nỗi phức tạp, kỳ công như “Parody” thể loại tác phẩm (nhất là “Parody” thể loại “kép” (truyện - thơ), vì thế càng ngày càng phát triển mạnh, giúp cho Truyện Kiều không ngừng đi sâu vào đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân ta dưới nhiều hình thức khác nhau: “Xướng Kiều”, “Hoạ Kiều”, “Ngâm Kiều”, “Án Kiều”, “Tuồng

Kiều”, “Trò Kiều”, “Vận Kiều”, “Hậu Kiều”, “Đố Kiều”,... đặc biệt là các hình thức “Tập Kiều”, “Lấy Kiều”, “Bói Kiều”. Tất cả tạo nên một loại hình văn hóa Truyện Kiều có thể nói là có một, không hai. Cũng cần phải nói, tất cả những hình thức này không hoàn toàn là “Parody” theo nghĩa hẹp, thông thường - nghĩa là “nhại” với ý nghĩa là châm biếm (Satire). “Parody” ở đây là những hình thức sáng tạo văn học dựa theo Truyện Kiều, là những bắt chước, mô phỏng, tái chế, “nhái” dựa vào văn bản gốc/ hypotext để tạo nên sản phẩm mới với những ý nghĩa mới...

Hình thức “Vịnh Kiều” (vịnh các nhân vật, các “hồi” trong Truyện Kiều) trong thơ xuất hiện sớm nhất. “Vịnh Kiều” là hình thức sáng tác/ phóng tác dựa trên mẫu hình các nhân vật, tình tiết, lời văn... trong Truyện Kiều nhằm bộc lộ quan niệm, cảm nhận, đánh giá của người viết trên cơ sở những vấn đề mà Truyện Kiều đặt ra; hoặc là những suy ngẫm về số phận nhân vật, hoặc là về các khía cạnh khác của câu chuyện như tình yêu, đạo đức, văn hóa, xã hội, chính trị,... Thể thơ được vận dụng nhiều nhất trong “Vịnh Kiều” là thể thơ Đường luật. Người mở đầu cho hình thức “Vịnh Kiều” là Phạm Quý Thích với Đoạn trường tân thanh đề từ (nguyên văn bằng chữ Hán, thể Đường luật bát cú). Phạm Quý Thích qua bài thơ bộc lộ những chia sẻ, đồng cảm với Nguyễn Du về bi kịch và phẩm giá của nhân vật Thúy Kiều... Sau Phạm Quý Thích là hàng loạt nhà nho làm thơ “Vịnh Kiều” (Có thể kể đến các tác giả: Phạm Quý Thích, Hà Tôn Quyền, Nguyễn Văn Chi, Chu Thập Hy, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Đình Chiểu, Tôn Thọ Tường, Phan Văn Trị, Nguyễn Khuyến, Dương Lâm, Chu Mạnh Trinh, Nguyễn Đôn Phục, v.v...). Đến đầu thế kỷ XX xuất hiện các cuộc thi thơ “Vịnh Kiều” mà tiêu biểu là cuộc thi thơ “Vịnh Kiều” (1905) do Lê Hoan (Tổng đốc Hưng yên lúc bấy giờ) tổ chức. Cuộc thi thơ “Vịnh Kiều” đã thu hút nhiều nhà nho tham gia. Nguyễn Khuyến được mời làm chủ khảo. Chu Mạnh Trinh được trao giải nhất...



Trong “Vịnh Kiều” (nhất là với nhân vật trung tâm Thúy Kiều), từ Phạm Quý Thích về sau, có hai xu hướng tư tưởng: hoặc là khen ngợi, tán đồng (tiêu biểu là Phạm Quý Thích, Chu Mạnh Trinh); hoặc là chê trách, phê phán (tiêu biểu như Nguyễn Công Trứ, Tản Đà). Dĩ nhiên cả hai xu hướng đều bộc lộ chủ ý tư tưởng của người vịnh, hoặc tán đồng hoặc không tán đồng với Nguyễn Du trong nhìn nhận các vấn đề đạo đức, xã hội... và chỉ nhìn Truyện Kiều từ góc nhìn nội dung tư tưởng. Còn từ góc nhìn nghệ thuật thể hiện hay nói chung là thi pháp Truyện Kiều, không thấy có ai chê trách, phê phán nghệ thuật Truyện Kiều.

Rất đáng nói và lấy làm lạ là xu hướng “Vịnh Kiều” với chủ ý phê phán, chê trách, thậm chí mạ sát nhân vật Thúy Kiều. Nguyễn Công Trứ trong bài Vịnh Thúy Kiều (hát nói/ thơ ca trù) viết: “Trách Kiều nhi chưa vẹn tấm lòng vàng”... “Nặng vì hiếu, nhẹ vì tình thời cũng phải/ Từ Mã Giám Sinh cho đến chàng Từ Hải/ Cánh hoa tàn đem bán lại chôn thanh lâu/ Bấy giờ Kiều còn hiếu vào đâu/ Mà bướm chán ong chường đến thế/ Bạc mệnh chẳng làm người tiết nghĩa/ Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm/ Bán mình trong bấy nhiêu năm/ Đố đem chữ hiếu mà làm được ai”!... Tại sao một người như Nguyễn Công Trứ - một nhà nho tài tử, cũng thuộc “giống hữu tình”/ “nòi tình”, lại là đồng hương với Nguyễn Du, sao lại mạ sát Kiều một cách quá đáng đến như vậy? Dĩ nhiên là không đúng với bản chất của nhân vật Thúy Kiều và tư tưởng sáng tạo của Nguyễn Du! Khó có thể biện hộ cho Nguyễn Công Trứ khi lấy quan điểm đạo đức Nho giáo ở chính ông làm “tiêu chí” phán xét. Cũng không có cơ sở nào để cho rằng Nguyễn Công Trứ có ác ý, mạ sát Kiều nhằm hạ thấp Nguyễn Du. Có thể Nguyễn Công Trứ cực đoan vì một lý do cá nhân nào đó, do bốc đồng? Do muốn “chơi trội” chăng?...

Không nặng nề như Nguyễn Công Trứ, nhưng Tản Đà trong bài Thúy Kiều hầu rượu Hồ Tôn Hiến cũng mỉa mai Thúy Kiều: “Đôi hàng nước mắt, đôi làn sóng/ Nửa đám ma

chồng, nửa tiệc quan”... Nguyễn Khuyến “Vịnh Kiều” rất đúng với phong cách kín đáo, thâm thúy và có chút nghịch ngợm của ông khi viết bài Mắc tay Hoạn Thư: “Chị Hoạn ghen tuông cũng khác đời/ Tơ duyên lỏng lẻo buộc chân người... Con ở ngân nga nhìn mặt chủ/ Nhà thầy tung hứng mất đồ chơi”... (“Con ở”: chỉ Thúy Kiều bị Hoạn Thư bắt cóc đưa về làm con ở trong nhà; “Nhà thầy”: chỉ Thúc Sinh). Còn khi ông viết bài Kiều bán mình: “Thằng bán tơ kia giờ giới ra/ Làm cho vương đến cụ Viên già... Có tiền việc ấy mà xong nhi/ Đòi trước làm quan cũng thế a” là mượn Kiều để phê phán, châm biếm “Thằng bán tơ” và tệ nạn vì tiền của bọn quan lại thời đại ông!...

Thái Kim Đỉnh rất có cơ sở khi nhận xét: “Người ta đua nhau “Vịnh Kiều” để phát biểu một quan niệm, để gửi gắm một tâm sự, nhưng với nhiều người, chỉ là “để mà chơi”... “Trước Cách mạng, thơ văn “Vịnh Kiều” (và “Tập Kiều”) được đăng tải trên các báo Nam Phong, Tri tân, Phụ nữ tân văn, Tân Thanh tạp chí, An Nam tạp chí... Từ sau 1945, báo Văn nghệ cùng nhiều báo chí các khu, các tỉnh và báo chí ở vùng Pháp tạm chiếm, ở miền Nam thời Mỹ - nguy như Văn nghệ từng biên (Hà Nội), Phổ Thông tạp chí, Bách Khoa thời đại (Sài Gòn)... vẫn tiếp tục giới thiệu nhiều thơ “Vịnh Kiều”. Nhiều tác giả tìm cách in thơ “Vịnh Kiều” thành tập riêng, hay giới thiệu toàn tập trên các tạp chí. Nhiều người bỏ công sưu tầm, chép lại hay cho in các tập thơ “Vịnh Kiều” để truyền bá rộng rãi”... “Từ sau cách mạng 1945 đến nay, đề tài Truyện Kiều vẫn là thời sự. Một số ít người tiếp tục làm thơ “Vịnh Kiều” theo lối cổ, nghĩa là vẫn làm thơ luật. Nhưng tất cả các thể hệ nhà thơ và quần chúng yêu thích văn chương thì sử dụng tất cả các thể thơ Việt Nam hiện đại để “vịnh”.

Hình thức “Tập Kiều”, “Lầy Kiều”, “Bói Kiều” càng phát triển mạnh trong xã hội đương đại, và không chỉ với người Việt.

“Tập Kiều” có nhiều cách. Có thể mượn từ - ngữ - câu - chữ có sẵn trong Truyện Kiều kết hợp với những từ - ngữ - câu - chữ mới do người “Tập Kiều” sáng tạo ra nhằm truyền đạt



một nội dung mới. Chẳng hạn, Dương Lâm đã mượn một số câu, chữ có sẵn trong Truyện Kiều kết hợp với những câu, chữ mới do mình tạo ra, nhằm miêu tả tình cảnh đất nước mình trong buổi đầu của chế độ thuộc địa: “Trăm năm trong cõi người ta/ Chữ cường, chữ nhược khéo là ghét nhau”... “Đau đớn thay đất nước nhà/ Dầu rằng còn đó cũng là mất không/ Phũ phàng chi bấy hóa công/ Giang sơn mòn mỏi anh hùng phôi pha”...

“Tập Kiều” cũng có thể lấy nguyên các câu trong Truyện Kiều nhưng ở những vị trí khác nhau, dĩ nhiên là phải cùng vần và hợp ý, ghép thành một tập hợp/ bài thơ mới. Chẳng hạn, Nguyễn Bính với bài Kính tặng cụ Nguyễn Du và Truyện Kiều:

*Cảo thom lần dở trước đèn
(Truyện Kiều, câu 7)*
*Là nhiều vàng đá, phải tìm trăng hoa
(Truyện Kiều, câu 3176)*
*Trăm năm trong cõi người ta
(Truyện Kiều, câu 01)*
*Một thiên tuyệt bút, gọi là để sau
(Truyện Kiều, câu 2626)*
*Khen tài nhả ngọc phun châu
(Truyện Kiều, câu 405)*
*Mười lăm năm ấy, biết bao nhiêu tình
(Truyện Kiều, câu 3070)*

...

Có thể xem “Tập Kiều” là hình thức sáng tác thơ mới bằng cách sử dụng các câu thơ hoặc đoạn thơ bất kỳ (không cần giữ nguyên trật tự như trong tác phẩm gốc) trong Truyện Kiều rồi sắp xếp lại để tạo thành một bài thơ mới, mang nội dung và ý nghĩa khác với tác phẩm gốc. Mục tiêu là tạo ra một nội dung thơ mới, gửi gắm thông điệp riêng của người “Tập Kiều”. “Tập Kiều” đòi hỏi chủ thể Parody phải thuộc Kiều, biết vận dụng thơ Kiều một cách tinh tế, phù hợp với ngữ cảnh, văn cảnh. “Tập Kiều”, ngoài thực hiện bằng thể thơ lục bát, có thể thực hiện bằng nhiều thể khác như song thất lục bát, phú, văn tế, câu đối...

“Lấy Kiều” khác với “tập Kiều”. “Lấy”

trong tiếng Việt là “tách ra, lấy rời ra từng cái những vật dính liền thành cụm”; “chọn rút ra một vài câu, đoạn trong một tác phẩm thơ để phỏng theo mà diễn đạt ý”. “Lấy Kiều” là tách ra, lấy rời ra một số câu thơ trong Truyện Kiều để tạo thành một tập hợp/ bài thơ mới có ý nghĩa khác; là cách kết hợp sáng tạo các câu thơ của Nguyễn Du trong Truyện Kiều để truyền tải một thông điệp mới. Đây là cách mượn một vài câu thơ nguyên văn từ Truyện Kiều để lồng ghép vào một diễn ngôn (thường là bài diễn thuyết) của người viết hoặc người nói, nhằm bộc lộ ý tưởng, bày tỏ cảm xúc, hoặc tạo điểm nhấn trong một ngữ cảnh nhất định. “Lấy Kiều” mang tính trích dẫn trực tiếp và không tạo ra nội dung hoàn toàn mới như “Tập Kiều”. “Tập Kiều” chọn và sắp xếp lại các câu thơ trong Truyện Kiều nhằm tạo ra một sáng tác mới. Chính vì thế, yêu cầu tính sáng tạo của “Tập Kiều” là rất cao. Còn “Lấy Kiều” là trích dẫn nguyên văn các câu thơ trong Truyện Kiều, mượn lời của Truyện Kiều để thay lời muốn nói. “Lấy Kiều” mang tính vận dụng có chọn lọc.

Hiện tượng “Parody” Truyện Kiều dưới các hình thức “Tập Kiều”, “Lấy Kiều” ở cuối thời trung đại không phát triển bằng hình thức “Vịnh Kiều”, nhưng sang thời hiện đại, lại phát triển hơn hình thức “Vịnh Kiều”. Nhiều tác giả tài hoa, tiêu biểu như Tản Đà, Nguyễn Bính, Hồ Chí Minh,.... đều “Tập Kiều”, “Lấy Kiều” rất thành công,... Rất đáng chú ý là, gần đây, hiện tượng “Lấy Kiều” được các Tổng thống, Phó Tổng thống Mỹ thực hiện đầy ý vị. Tổng thống Bill Clinton, tháng 11/2000, nhân chuyến thăm Việt Nam lần đầu tiên sau 1975, trong diễn văn đáp từ đã lấy 2 câu (số 1795-1796) trong Truyện Kiều: “Sen tàn cúc lại nở hoa/ Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân”; Phó Tổng thống Joe Biden, tháng 7/2015, trong đáp từ Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng lần đầu tiên có chuyến thăm Hoa Kỳ, tại Nhà Trắng, đã mượn 2 câu Kiều số 3121-3122: “Trời còn để có hôm nay/ Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời”; Tổng thống Barack Obama trong bài phát biểu tại Trung tâm Hội



ngộ Quốc gia ngày 25/5/2016, đã dẫn 2 câu Kiều số 355-356, kết thúc bài phát biểu của mình: “Rằng trăm năm cũng từ đây/ Của tin gọi một chút này làm ghi”...

Những hiện tượng “Tập Kiều”, “Lấy Kiều” như vậy một mặt cho thấy giá trị và tầm ảnh hưởng rộng lớn của Truyện Kiều, mặt khác, cũng là một cách tạo kênh giao lưu văn hoá và giới thiệu Truyện Kiều - Việt Nam với bạn bè khắp trên thế giới...

“Bói Kiều” là một hiện tượng văn hóa dân gian đặc thù, độc đáo trong đời sống tâm linh và tín ngưỡng của người Việt. “Bói Kiều” là việc dựa vào Truyện Kiều, sử dụng Truyện Kiều làm phương tiện, cách thức để “tiên tri”, “dự báo” về những vấn đề mà người cần bói đang băn khoăn hay muốn biết trước. Người thực hiện “Bói Kiều” (tự mình hoặc nhờ “thầy bói”), sau những lời “khẩn”, “vái” (“Lạy vua Từ Hải, lạy Vãi giác Duyên, Lạy Tiên Thúy Kiều”!) “Tôi tên là, muốn biết... Thành tâm cho xin một quẻ”, mở ngẫu nhiên một trang nào đó trong Truyện Kiều và đọc các câu thơ tại vị trí đã trở/ chọn. Dựa trên nội dung và ý nghĩa của các câu thơ đó, nhờ “thầy bói” (hoặc tự mình) suy luận, xác định các mối liên hệ để tìm câu trả lời cho những băn khoăn hoặc những điều bí ẩn cần biết trước...

Cần phải hiểu hiện tượng “Bói Kiều” không hề là biểu hiện của “mê tín, dị đoan” mà là một hiện tượng văn hóa, có sự gắn kết giữa văn hóa, tín ngưỡng và tâm linh trong đời sống tinh thần người Việt. Không thể phủ nhận ý nghĩa văn hóa, xã hội và nhân sinh của hiện tượng “Bói Kiều”. Việc sử dụng Truyện Kiều để “bói” thể hiện sự tôn vinh và lưu giữ tác phẩm trong đời sống hàng ngày của người Việt. Điều này giúp gắn kết con người với văn hóa truyền thống, đặc biệt là với các giá trị nhân sinh mà Nguyễn Du truyền tải trong tác phẩm. Trong bối cảnh người Việt tin vào các yếu tố tâm linh, “Bói Kiều” là một hình thức giúp họ tìm kiếm sự an ủi, động viên tinh thần, hoặc gợi mở cách giải quyết vấn đề. Đây là cách tiếp cận nhẹ nhàng và gần gũi, không quá phức tạp hay đòi hỏi nghi lễ nghiêm ngặt. Hoạt động “Bói Kiều” thường

diễn ra trong các dịp hội hè hoặc giữa các nhóm người thân quen, tạo nên sự giao lưu, gắn kết trong cộng đồng.

Truyện Kiều, ngay cả ở những câu thơ người bói ngẫu nhiên chỉ trùng, thường chứa đựng những triết lý sâu sắc về “tài”, “mệnh”, “duyên”, “phận”, khổ đau và hạnh phúc... của đời người. Khi áp dụng vào “Bói Kiều”, những triết lý này giúp người tham gia, thực hiện “Bói Kiều” suy ngẫm, chiêm nghiệm, tự rút ra bài học cho mình. Dù là “bói”, nhưng các kết quả từ “Bói Kiều” thường mang tính chất trấn an và khích lệ, giúp con người hướng đến sự tích cực và niềm tin vào tương lai. “Bói Kiều” không đơn thuần là một hình thức bói toán, mà còn là sự giao thoa giữa văn hóa, tín ngưỡng và đời sống tinh thần. Hiện tượng này giúp người Việt tiếp cận Truyện Kiều một cách gần gũi hơn, đồng thời lan tỏa những giá trị nhân văn sâu sắc mà tác phẩm mang lại.

2.4 Hiện tượng “Parody” Thơ Nôm Hồ Xuân Hương và sự xuất hiện, sinh sôi một loại hình văn hoá trào tiếu với nhiều biến tấu độc đáo

Nữ sĩ Hồ Xuân Hương (1722-1822) và sáng tác của bà, nhất là thơ Nôm từng gợi nguồn cảm hứng cho nhiều thế hệ người viết. Sức hấp dẫn, cuốn hút và sự lan tỏa của thơ nữ sĩ cũng từng tạo nên hiện tượng “Parody” - “nhại” theo (tựa như Nguyễn Du với Truyện Kiều tạo nên hiện tượng “Parody” - lấy Kiều, tập Kiều,...) nhưng với hình thức khác, theo hướng tích cực với những chia sẻ, đối thoại, kết nối không dễ có trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng.

Nhiều loại hình văn học nghệ thuật cũng tìm cách tiếp cận và giải mã Hồ Xuân Hương theo đặc thù loại hình, thể loại của mình. Chân dung, cuộc đời và thơ Hồ Xuân Hương được khắc họa, được “Parody” trong nhiều tiểu thuyết và truyện ngắn hiện đại; trong thơ của nhiều thế hệ thi sĩ; trong Âm nhạc đương đại; trong hội họa, điêu khắc với nhiều tác phẩm xuất sắc... Nếu như hiện tượng “Parody” Truyện Kiều với nhiều hình thức khác nhau tạo thành một loại hình văn hóa phong phú,



đa dạng các dạng thái đối thoại, thì hiện tượng “Parody” thơ Nôm Hồ Xuân Hương lại làm xuất hiện, sinh sôi một loại hình văn hoá trào tiếu với nhiều biến tấu độc đáo.

Thơ Nôm Hồ Xuân Hương là thơ của một phong cách trào phúng lớn. Tiếng nói của thơ bà là tiếng nói lạc quan, yêu đời; tiếng nói đấu tranh không khoan nhượng đòi nữ quyền (quyền bình đẳng; quyền được yêu thương, hạnh phúc; quyền được công khai hiện diện trong cuộc sống với tất cả những gì mà tạo hóa ban cho người phụ nữ); tiếng nói của một quan niệm văn hóa và thẩm mỹ độc đáo chưa từng có về tính dục, về đời sống bản thể, hiện sinh, trần tục của con người. Tiếng nói ấy được kiến tạo bằng một loại ngôn ngữ đa nghĩa, lưỡng trị, nhiều hàm ý, “tục mà thanh - thanh mà tục”; có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa các loại ngôn ngữ bác học, dân gian, đời sống; giàu màu sắc bình dân nhưng lại hết sức uyên thâm, sắc sảo; giàu tính năng sản, biến hóa, giàu tính tạo hình và biểu cảm, nhất là qua hệ thống động - tĩnh từ, hệ thống từ láy, và các loại “vần độc” (“om”, “eo”, ...).

Hiện tượng “Parody” Thơ Nôm Hồ Xuân Hương tạo nên các sáng tác thơ theo phong cách Nữ sĩ chủ yếu theo các hướng ấy. Xin nêu một số hướng tiêu biểu, phát triển mạnh cả trong văn học viết, báo chí và văn học dân gian, cả trong đời sống cộng đồng và trên các phương tiện nền tảng số (ở đây chỉ nêu một số dẫn chứng từ thơ của các nhà thơ nổi tiếng).

Thứ nhất, hướng “Parody” theo cách tạo ngôn ngữ đa nghĩa, “lưỡng trị”, “tục mà thanh” - “thanh mà tục”:

*Góm cho cô bé liều gan tẻ
Chết nổi làng chơi phải miếng cay
Hùm đã biết hang sao cứ mó?
Chim chưa vỡ bụng dễ mà bay...
(Bóp vú đau tay - Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu)
Điện Quế xưa không người đến viếng
Cung Thiềm nay có kẻ lên chơi
Trắng trong khó giữ thân ngà ngọc
Trò khuyết đã phơi chỗ lôm lôi...
(Thám hiềm cung trăng -
Quy Ưu Nguyễn Đôn Dư)*

*To nhỏ vành ra ba cái góc
Sâu nông cắm chặt một cành cây
Lả loi cánh bướm, thu cùng hạ
Áp ủ lưng ong, tối lại ngày...
(Vịnh cái quạt – Đạm Nguyên)
V.v...*

*Thứ hai, hướng “Parody” thơ Nôm Hồ Xuân Hương theo cách nói lái của Nữ sĩ:
Thuyền từ cũng muốn về Tây Trúc
Trái gió cho nên phải lộn lèo
(Kiếp tu hành)
Quán sừ sao mà cảnh vắng teo
Hỏi thăm Sư cụ đảo nơi neo
Chày kình, tiểu để sông không đắm
Tràng hạt, vải lãn đềm lại đeo
(Chùa Quán Sứ)*

Tú Mỡ trong bài Lỡm cô Ngọc Hồ, từng mỉa mai cô Ngọc Hồ (một gái làng chơi nổi tiếng ở Hà Nội khoảng năm 1935) bằng cách chơi chữ, chiết tự hai chữ “ngọc”, “hồ”, và nói lái: Hồ tù ngán nổi con rồng lộn/ Ngọc vết thương tình kẻ cố đeo... (Hồ tù: hồ nước tù, nhái câu “Rồng vàng tắm nước ao tù”; “rồng lộn” - nói lái, “Ngọc”... “đeo” - nói lái).

Bùi Giáng nói lái tên mình (Báng Dùi) và cả trong thơ:

*Lọt còn trận gió đi hoang
Tồn liên ở lại xin làn dòn ra...
(Mưa nguồn)
Cá ở ngoài khe có ít nhiều
Còn lau cỏ lách có hoang liêu
(Bờ trần gian)...*

Trong thơ Việt Nam hiện đại, nhiều tác giả khác cũng có những bài thơ trong đó cũng có nhiều từ nói lái theo cách của Hồ Xuân Hương, tiêu biểu như Võ Quê, Bùi Chí Vinh, v.v...

Thứ ba, hướng “Parody” Thơ Nôm Hồ Xuân Hương theo cách gieo vần “độc”/ “từ vận” (vần “om” như trong bài Tự tình của Hồ Xuân Hương):

*Vò nát câu thơ ném cái tòm
Rơi vào khoảng trống tối om om
Văn hay sao vợ không thèm ngó
Chữ giỏi mà con chẳng muốn dòm...
(Vò thơ - Nguyễn Huy Vụ)*



*Cứ nghĩ làm thơ quảng bút... tòm
Ai ngờ viết mãi vẫn còn om
Con cười khéo nhắc cha đừng xé
Vợ nhiech thăm chê khi nỏ dòm...
(Làm thơ mắc bệnh còm - Lương Thanh Nhân)
V.v...*

Thơ Nôm Hồ Xuân Hương thực sự là nguồn cảm hứng cho hiện tượng “Parody” (nhại theo, phóng tác hài hước) trong đời sống văn hóa tinh thần người Việt. Tiếng cười và sự dí dỏm trong thơ bà tạo điều kiện lý tưởng cho các sáng tác “Parody”. Người nhại theo, phóng tác, ... có thể dễ dàng khai thác sự trào tiếu, dựa theo cấu trúc và ngôn ngữ của thơ bà, từ đó tạo sáng tác mới mang nội dung hiện đại hoặc mang tính giải trí, ... Hiện tượng này không chỉ thể hiện tính sáng tạo trong cách tiếp cận văn học, mà còn phản ánh sự gắn bó và gần gũi của người dân với thơ Hồ Xuân Hương, sự giao thoa giữa văn hóa truyền thống và hiện đại trong đời sống tinh thần người Việt.

“Parody” Thơ Nôm Hồ Xuân Hương có khi chỉ là hình thức giải trí, có khi là cách để người dân thể hiện tiếng nói phê phán của mình trước một hiện tượng bất công, bất bình đẳng hoặc một thói xấu nào đó trong đời sống xã hội. Đây cũng là biểu hiện của sự tiếp biến văn hóa linh hoạt và sáng tạo trong đời sống tinh thần người Việt. Việc sử dụng Thơ Nôm Hồ Xuân Hương trong “Parody” còn có ý nghĩa góp phần làm sống lại tinh thần thơ Nôm không chỉ của riêng Hồ Xuân Hương mà còn của nhiều bậc tiền nhân khác, giúp thế hệ trẻ ngày nay tiếp cận gần hơn với văn học truyền thống. Dù nội dung có thể thay đổi, nhưng giá trị nghệ thuật và sự táo bạo trong tư duy của Hồ Xuân Hương vẫn được bảo tồn. Tuy nhiên, cũng cần khuyến cáo việc “Parody” quá trớn thơ Hồ Xuân Hương khiến tác phẩm gốc bị “xúc phạm”. Một số “Parody” có thể bị xem là làm giảm giá trị nguyên bản, hoặc lạm dụng tính trào tiếu để đưa vào những nội dung phản cảm. Điều này đòi hỏi sự cân nhắc kỹ lưỡng trong việc sáng tạo và phổ biến...

Thơ Nôm Hồ Xuân Hương và Truyện Kiều của Nguyễn Du, mặc dầu khác hẳn nhau về phong cách và thể loại, về chủ thể diễn ngôn, ... nhưng cả hai đều là những hiện tượng văn hóa, văn học kiệt xuất, đều hàm chứa nhiều vấn đề sâu sắc, phức tạp, bí ẩn của con người ở nhiều thời đại, không chỉ của dân tộc mà còn của nhân loại, lại được thể hiện bằng bút lực của những thi hào, những thiên tài thực sự. Đây là lý do cơ bản tạo nên sức hấp dẫn, thu hút, tạo nên hiện tượng “Parody” Truyện Kiều (Nguyễn Du) và Thơ Nôm Hồ Xuân Hương. Từ phương diện này, có thể thấy Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du, xứng đáng là những tri âm tri kỷ không thể thay thế được của nhau...

2.5 Truyện Kiều (Nguyễn Du) và Thơ Nôm Hồ Xuân Hương có giá trị lớn về nhiều phương diện, đã được thừa nhận ở tầm quốc tế, cần phải được bảo tồn và phát huy giá trị

Cả hai danh nhân - thi hào đã được UNESCO ghi danh (Great Pernality) và tham gia kỷ niệm (250 năm sinh Nguyễn Du vào 2015; 250 năm sinh Hồ Xuân Hương vào 2022). Đây là cơ sở khoa học, lý luận và pháp lý giúp (và bắt buộc) chúng ta phải có ý thức sâu hơn về giá trị của di sản do hai Danh nhân để lại, từ đó có kế hoạch, chương trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản của hai Danh nhân.

UNESCO trong Tuyên bố toàn cầu về đa dạng văn hóa cũng đã nêu rõ: “Di sản ở mọi hình thức của nó phải được bảo tồn, phát huy và truyền thụ cho các thế hệ tương lai như là cơ sở dữ liệu lưu lại kinh nghiệm và những khát vọng của con người, nhằm tăng cường tính sáng tạo với tất cả sự đa dạng của nó và truyền cảm hứng cho cuộc đối thoại giữa các nền văn hóa”. Chúng ta cũng đã có Luật Di sản văn hóa (năm 2001, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; từ tháng 5.2023, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch lại có Tờ trình Dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi), trong đó có Chương V là chương mới về Bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu)...



Chính vì thế, nhu cầu về bảo tồn và phát huy các giá trị nghệ thuật của Truyện Kiều và Thơ Nôm Hồ Xuân Hương cả trên phương diện pháp lý và trong đời sống thường nhật, hiện nay đang đặt ra hết sức cấp thiết. Đây cũng là những thông điệp rất cần được gửi đến các chủ thể thực hiện “Parody” Truyện Kiều của Nguyễn Du và Thơ Nôm Hồ Xuân Hương bằng nhiều con đường, nhiều cách thức khác nhau.

Việc tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về giá trị của Truyện Kiều và Thơ Nôm Hồ Xuân Hương dưới nhiều hình thức (như diễn thuyết, câu lạc bộ, seminar, hội thảo học thuật) để mọi người có cơ hội hiểu biết và tìm hiểu sâu hơn về tác phẩm gốc là rất có ý nghĩa. Đối với đông đảo công chúng, việc giới thiệu, phổ biến giá trị của Truyện Kiều và Thơ Nôm Hồ Xuân Hương (từ kết quả nghiên cứu của các chuyên gia) rất cần được truyền thông trên các phương tiện thông tin truyền thông. Các cơ quan/ đơn vị truyền thông văn hoá, văn nghệ, từ Đài Phát thanh, Truyền hình; các tờ báo, tạp chí đến các diễn đàn văn học, nghệ thuật..., tùy theo đặc thù kênh phát của mình mà chọn hướng diễn ngôn phù hợp, phải tích cực tham gia hoạt động này, xem đây vừa là trách nhiệm, vừa là vinh dự.

Các hoạt động về văn hoá Truyện Kiều và Thơ Nôm Hồ Xuân Hương nếu được tổ chức một cách khoa học, bài bản sẽ tạo nên những làn sóng “Parody” tích cực, hữu ích trong tìm hiểu, trong bảo tồn và phát huy hữu hiệu các giá trị nghệ thuật, nhất là các giá trị về ngôn ngữ tiếng Việt của Truyện Kiều và Thơ Nôm Hồ Xuân Hương.

3. Kết luận

“Parody” trong tiếp nhận và sáng tạo văn học - nghệ thuật là một vấn đề lớn, có ý nghĩa sâu sắc trên nhiều phương diện. Việc tiếp cận, nghiên cứu thực tiễn văn học Việt Nam (qua các hiện tượng cụ thể) theo hướng “Parody” nhìn chung còn khá mới mẻ nhưng hứa hẹn những triển vọng tích cực, tốt đẹp.

Trong lịch sử văn học Việt Nam, Truyện Kiều của Nguyễn Du và Thơ Nôm Hồ Xuân

Hương là những hiện tượng được “Parody” dưới nhiều hình thức, đa dạng, phong phú. “Parody” ở hai hiện tượng văn học kiệt xuất này có nhiều điểm khác nhau, nhưng đều gặp nhau ở chỗ: Khơi dậy tình yêu đối với di sản văn hóa, văn học dân tộc; Thấp sáng giá trị của quá khứ; Phản ánh tinh thần sáng tạo của người Việt trong việc tiếp biến văn hóa truyền thống, đưa giá trị của văn hóa truyền thống vào đời sống hiện đại.

Nếu hiện tượng “Parody” Truyện Kiều với nhiều hình thức khác nhau tạo thành một loại hình văn hóa “có một, không hai”, thì hiện tượng “Parody” Thơ Nôm Hồ Xuân Hương (cũng dưới khá nhiều hình thức khác nhau) lại tạo nên một loại hình văn hoá trào tiếu với nhiều biến tấu độc đáo. Cả hai hiện tượng “Parody” ấy bổ sung cho nhau, góp phần quan trọng làm phong phú đời sống văn hóa - tinh thần người Việt.

Nhu cầu về bảo tồn và phát huy các giá trị nghệ thuật của Truyện Kiều và Thơ Nôm Hồ Xuân Hương cả trên phương diện pháp lý và trong đời sống thường nhật, hiện nay đang đặt ra hết sức cấp thiết. Đây cũng là những thông điệp cần thiết, chúng tôi muốn được gửi đến các chủ thể thực hiện “Parody” đối với Truyện Kiều của Nguyễn Du và Thơ Nôm Hồ Xuân Hương trong bối cảnh mới của thời đại ngày nay...

4. Các ghi chú:

¹. Johann Wolfgang von Goethe, *Faust*, Nxb Văn học, 2023.

². Hutcheon L, *Theory of parody: The teachings of Twentieth Century Art Forms*, University of Illinois Press, p.15-18.

³. Xin xem: Biện Minh Điền, “Nữ sĩ Hồ Xuân Hương với thời gian và tâm vóc một danh nhân văn hoá, một thi hào”, *Tạp chí Lý luận Phê bình Văn học - Nghệ thuật* (Trung ương), số 7.2022, tr.115-120.

⁴. Xin xem: Biện Minh Điền, “*Truyện Kiều* (Nguyễn Du) với tiếng Việt và thể loại thuần Việt điển hình - lục bát trong lịch sử văn học Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận phê bình Văn học - Nghệ thuật*, số 9, tr.102-109 và tr.125.



⁵ Thái Kim Đình: “Vịnh Kiều, tập Kiều - một lối chơi văn chương độc đáo”/ <http://vanhoanghean.com.vn/chi-tiet-tin-tuc/11015-vinh-kieu-tap-kieu-mot-loi-choi-van-chuong-doc-dao>

⁶ Ty Văn Hóa Nam Hà, báo *Xuân Bính Ngọ*, 1966, theo <https://www.trieuxuan.vn/en/kinh-tang-cu-nguyen-du-va-truyen-kieu>

⁷ Xin xem: Thanh Minh, *Thơ văn Tập Kiều*, Ty Văn hóa Hà Tĩnh xuất bản, 1966.

⁸ Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm từ điển học, in lần thứ tư, Hà Nội, 1996, tr.536

⁹ *Giai nhân di mặc (sự tích và thơ từ Hồ Xuân Hương)* (1917) của Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến, Trong rừng Nho (1942) của Ngô Tất Tố, *Tình sử Hồ Xuân Hương* (2001) của Bùi Bội Tĩnh, *Ấn ức Hồ Xuân Hương* (2018) của Hoàng Khôi, *Hồ Xuân Hương - Tiếng vọng* (2022) của Nghiêm Thị Hằng, *Hồ Xuân Hương* (2024) của Nguyễn Thế Quang; *Một thoáng Xuân Hương* (gồm 3 truyện ngắn, 1985) của Nguyễn Huy Thiệp...

¹⁰ Tân Đà, Bích Khê, Vi Thùy Linh, Nguyễn Vũ Tiềm, v.v...

¹¹ *Cái quạt* của Hoàng Thi Thơ; *Hồ Xuân Hương* của Phạm Toàn Thắng; *Bánh trôi nước* của Hồ Hoài Anh...

¹² Tranh của các họa sĩ: Lê Lam, Phùng Di Thuần, Chóe - Nguyễn Hải Chí, Bùi Xuân Phái, v.v...

¹³ Xin xem thêm: Biện Minh Điền, “Vấn đề tiếp cận Hồ Xuân Hương - Danh nhân và di sản”, *Nữ sĩ Hồ Xuân Hương (1772-1822) - Danh nhân văn hóa và giá trị di sản* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế), Nxb Nghệ An, 2022, Tập I. tr.783-788.

¹⁴ Xin xem: *Thơ Đường luật Vũng Tàu*, <https://thoduongluatvungtau.blogspot.com/2019/06/chum-xuong-hoa-van-om.html>

¹⁵ Xin xem: Biện Minh Điền, “Vấn đề tiếp cận Hồ Xuân Hương - Danh nhân và di sản”, *Nữ sĩ Hồ Xuân Hương (1772-1822) - Danh nhân văn hóa và giá trị di sản* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế), Nxb Nghệ An, 2022, Tập I. tr.783-788.

¹⁶ UNESCO, “Tuyên bố thế giới về đa dạng văn hoá” đã được thông qua tại phiên họp toàn

thể, kỳ họp 31 của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc ngày 2/11/2001.

¹⁷ Luật số 28/2001/QH10 của Quốc hội: Di sản văn hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Johann Wolfgang von Goethe, *Faust*, Nxb Văn học, 2023.

Hutcheon L, *Theory of parody: The teachings of Twentieth Century Art Forms*, Universty of Illinois Press, p.15-18.

Điền, B.M. “Nữ sĩ Hồ Xuân Hương với thời gian và tầm vóc một danh nhân văn hoá, một thi hào”, *Tạp chí Lý luận Phê bình Văn học - Nghệ thuật* (Trung ương), số 7.2022, tr.115-120.

Quế, B.Đ. *Lục bát hậu Truyện Kiều*, Nxb Thanh niên, 2002.

Điền, B.M. “*Truyện Kiều* (Nguyễn Du) với tiếng Việt và thể loại thuần Việt điển hình - lục bát trong lịch sử văn học Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận phê bình Văn học - Nghệ thuật*, số 9, tr.102-109 và tr.125.

Đình, T.K. “Vịnh Kiều, tập Kiều - một lối chơi văn chương độc đáo”/ <http://vanhoanghean.com.vn/chi-tiet-tin-tuc/11015-vinh-kieu-tap-kieu-mot-loi-choi-van-chuong-doc-dao>

Ty Văn Hóa Nam Hà, báo *Xuân Bính Ngọ*, 1966 (Theo <https://www.trieuxuan.vn/en/kinh-tang-cu-nguyen-du-va-truyen-kieu>)

Minh, T. *Thơ văn Tập Kiều*, Ty Văn hóa Hà Tĩnh xuất bản, 1966.

Phê, H. (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm từ điển học, in lần thứ tư, Hà Nội, 1996.

Điền, B.M. “Vấn đề tiếp cận Hồ Xuân Hương - Danh nhân và di sản”, *Nữ sĩ Hồ Xuân Hương (1772-1822) - Danh nhân văn hóa và giá trị di sản* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế), Nxb Nghệ An, 2022, Tập I. tr.783-788.

Thơ Đường luật Vũng Tàu, (<https://thoduongluatvungtau.blogspot.com/2019/06/chum-xuong-hoa-van-om.html>)

UNESCO, “Tuyên bố thế giới về đa dạng văn hoá” đã được thông qua tại phiên họp toàn thể, kỳ họp 31 của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc ngày 2/11/2001.

Luật số 28/2001/QH10 của Quốc hội: Di sản văn hóa.

